TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07-5-2020
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị V và anh S"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Ngọc Diệu.

2. Ông Huỳnh Đức Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 438/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh;

2. Bị đơn: Anh Cao Văn S, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre;

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị V và anh S vắng mặt (chị V có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2019, bản khai, đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt cùng đề ngày 16/01/2020, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị V trình bày:

Chị và anh Cao Văn S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, đến năm 2005 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trong quá trình chung sống, chị và anh S bất đồng quan điểm, thường hay gây gỗ, từ đó phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù đã được gia đình hai bên động viên nhưng chị và anh S vẫn không thể hàn gắn được và đã không sống chung với nhau đến nay khoảng 10 năm. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh S.

Trong thời gian chung sống, chị và anh S có 01 con chung tên Cao Gia Ngân, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2002, đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh S đều vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh S vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến về tố tụng và về nội dung:

Về tố tụng:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V đối với anh Cao Văn S. Chị V được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Chị V được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Cao Gia Ngân, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2002. Ghi nhận chị V không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Cao Văn S. Anh S là bị đơn trong vụ án, cư trú tại ấp 3, xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Chị V có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị V.

Anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Cao Văn S chung sống năm 2000, có đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh nên quan hệ hôn nhân của chị V và anh S được xem là hợp pháp. Tuy nhiên, chị V cho rằng trong thời gian chung sống, chị và anh S phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đã không sống chung với nhau đến nay khoảng 10 năm, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị xin ly hôn với anh S.

Qua xác minh tại Công an xã Thạnh Phú Đông được biết trước đây anh S có hộ khẩu thường trú tại xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Đến ngày 20/12/2010, anh S chuyển đến đăng ký hộ khẩu cùng cha ruột là ông Cao Văn Đem. Hiện tại, anh S đang sinh sống và đi làm ở địa phương.

Cũng qua xác minh, cha ruột của anh S là ông Cao Văn Đem cho biết ông không nắm rõ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh S. Ông chỉ biết là chị V đã quen người đàn ông khác hơn 10 năm nay. Hiện tại, anh S đang ở nhà của ông, chị V ở Tây Ninh. Chị V và anh S đã không liên lạc với nhau hơn 10 năm nay. Con chung của chị V và anh S hiện do chị V nuôi dưỡng. Theo ông, nên cho chị V và anh S ly hôn để mỗi người có cuộc sống riêng.

Sau khi thụ lý yêu cầu khởi kiện của chị V, Tòa án đã tiến hành thông báo cho anh S tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mục đích hòa giải cho chị V và anh S đoàn tụ nhưng anh S vắng mặt, không có ý kiến.

Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị V và anh S đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V để giải quyết cho chị được ly hôn với anh S. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị V khai chị và anh S có 01 con chung tên Cao Gia Ngân, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2002, đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con.

Hội đồng xét xử xét thấy con chung của chị V và anh S là Cao Gia Ngân chưa thành niên, hiện tại do chị V nuôi dưỡng. Đồng thời, theo ý kiến của Cao Gia Ngân có nguyện vọng được sống với chị V. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống của con chung thì cần giao con chung cho chị V được tiếp tục nuôi dưỡng.

Theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con" nhưng chị V không có yêu cầu anh S cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung:

Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị V phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V.

Chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Cao Văn S.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Cao Văn S có có 01 con chung tên Cao Gia Ngân, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2002, đang sống chung với chị Nguyễn Thị V.

Chị Nguyễn Thị V được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng Cao Gia Ngân cho đến khi Cao Gia Ngân tròn 18 tuổi.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị V không yêu cầu anh Cao Văn S cấp dưỡng cho con.

Anh Cao Văn S được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007541 ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị V đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thị Thu Trang

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Đông;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.